

ALL-NEW
TRITON
CHIẾM LĨNH MỌI LÃNH ĐỊA



Thông số kỹ thuật & Trang thiết bị Specification & Equipment		Triton 2WD AT GLX	Triton 2WD AT Premium	Triton 4WD AT Athlete
Kích thước Dimension				
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall dimension (L x W x H)	mm	5.320 x 1.865 x 1.795	5.320 x 1.865 x 1.795	5.360 x 1.930 x 1.815
Chiều dài cơ sở Wheelbase	mm	3.130	3.130	3.130
Khoảng sáng gầm Ground clearance	mm	228	228	228
Bán kính vòng quay tối thiểu Min. turning radius	mm	6.200	6.200	6.200
Vận hành Performance				
Động cơ Engine type		MIVEC Turbo Diesel 2.4L - Euro 5	MIVEC Turbo Diesel 2.4L - Euro 5	MIVEC Bi-Turbo Diesel 2.4L - Euro 5
Công suất cực đại (PS) & Mô-men xoắn cực đại (Nm) Max. engine output (PS) & Max. torque (Nm)		184 & 430	184 & 430	204 & 470
Hộp số Transmission		Tự động 6 cấp 6-speed AT	Tự động 6 cấp 6-speed AT	Tự động 6 cấp 6-speed AT
Trợ lực lái Steering type		Trợ lực thủy lực Hydraulic power steering	Trợ lực thủy lực Hydraulic power steering	Trợ lực điện Electric power steering
Hệ thống truyền động Drive system		Một cầu chủ động Two-wheel drive	Một cầu chủ động Two-wheel drive	Hai cầu chủ động Super Select 4WD-II Super Select 4WD-II
Khóa vi sai cầu sau Rear e-locking differential		—	—	•
Tùy chọn chế độ địa hình Drive mode selector		—	—	7 chế độ lái địa hình 7 Drive modes
Hệ thống treo trước/ sau Front/ Rear suspension		Hệ thống treo độc lập, tay đòn kép, lò xo cuộn, thanh cân bằng và ống giảm chấn/ Loại nhíp với ống giảm chấn Independent wishbone, coil/ Leaf springs and Shock absorbers		
Hệ thống phanh trước/ sau Front/ Rear brake		Đĩa tản nhiệt/ Tang trống Ventilated disc/ Drum		
Kích thước lốp Tire size		265/70R16	265/60R18	265/60R18
Trang thiết bị ngoại thất Exterior equipment				
Đèn chiếu sáng phía trước công nghệ LED projector LED projector front headlight		Halogen	•	•
Đèn sương mù phía trước công nghệ LED LED front fog light		Halogen	•	•
Chức năng điều khiển đèn & Gạt mưa phía trước tự động Automatic headlight & Front rain-sensing wiper		—	•	•
Thanh thể thao Styling bar		—	—	Trang bị tùy chọn Optional
Trang thiết bị nội thất Interior equipment				
Nút bấm khởi động Push button start		—	•	•
Chìa khóa thông minh Keyless entry		—	•	•
Điều hòa nhiệt độ Air conditioning		Điều chỉnh cơ Manual	Tự động Auto	Tự động hai vùng độc lập Auto dual zone
Vật liệu ghế Seat material		Nỉ Fabric	Da Leather	Da & Da lộn Leather & Suede
Chế lái trước Front driver seat		Điều chỉnh cơ Manual	Chỉnh điện 8 hướng 8 ways power	Chỉnh điện 8 hướng 8 ways power
Gương chiếu hậu bên trong xe chống chói tự động Auto dimming rear-view mirror		—	—	•
Hệ thống thông tin giải trí & Hệ thống loa Audio system & Speaker		Màn hình cảm ứng 8-inch & 4 loa 8-inch touchscreen & 4 speakers	Màn hình cảm ứng 9-inch & 6 loa 9-inch touchscreen & 6 speakers	Màn hình cảm ứng 9-inch & 6 loa 9-inch touchscreen & 6 speakers
Sạc không dây Wireless charger		—	—	•
Cụm đồng hồ kỹ thuật số Digital instrument cluster		7-inch	7-inch	7-inch
Trang thiết bị an toàn Safety equipment				
Hệ thống kiểm soát vào cua chủ động (AYC) Active yaw control		—	—	•
Camera lùi Rear view camera		•	•	Camera 360
Số túi khí an toàn Safety airbag		3	7	7
Hệ thống cân bằng điện tử & Kiểm soát lực kéo (ASTC) Active stability & Traction control		•	•	•
Cảm biến áp suất lốp (TPMS) Tire pressure monitoring system		—	•	•
Hệ thống giới hạn tốc độ Speed limit		—	•	•
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe trước/ sau Front/ Rear parking sensor		—	•	•
Hệ thống hỗ trợ đổ đèo (HDC) Hill descent control		—	—	•
Hệ thống an toàn chủ động thông minh Mitsubishi Motors Safety Sensing (MMSS)	Hệ thống cảnh báo & giảm thiểu va chạm phía trước (FCM) Forward collision mitigation system	—	—	•
	Hệ thống kiểm soát hành trình Cruise control	•	•	Tự động thích ứng Adaptive cruise control
	Hệ thống hỗ trợ cảnh báo lệch làn đường (LDW) Lane departure warning	—	—	•
	Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSW) Blind spot warning	—	—	•
	Hệ thống đèn pha tự động (AHB) Automatic high beam	—	—	•
	Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi xe (RCTA) Rear cross traffic alert	—	—	•

Ghi chú/ Note:
Thông số kỹ thuật và trang thiết bị có thể thay đổi từ nhà sản xuất mà không báo trước.
Some specifications and equipments could be changed without prior notice.

MITSUBISHI MOTORS SAFETY SENSING (MMSS)

Hệ thống an toàn chủ động thông minh



AHB

Hệ thống đèn pha tự động

LDW

Hệ thống hỗ trợ cảnh báo lệch làn đường

ACC

Hệ thống kiểm soát hành trình thích ứng

RCTA

Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi xe

FCM

Hệ thống cảnh báo & giảm thiểu va chạm phía trước

BSW

Hệ thống cảnh báo điểm mù

CẢM BIẾN ÁP SUẤT LỐP (TPMS)



CAMERA TOÀN CẢNH 360



BỘ PHỤ KIỆN CHÍNH HÃNG



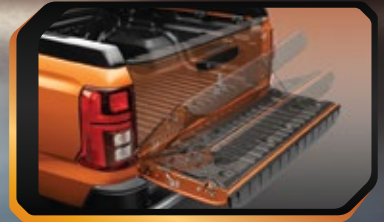
Vè che mưa



Bộ chữ MITSUBISHI trên mũi xe



Thanh thể thao*



Ty nâng hạ cốp thùng sau



Thảm cao su



Ốp trang trí nắp bình nhiên liệu



Ốp hõm tay nắm cửa



Ốp bệ bước chân có đèn LED

*Thanh thể thao được trang bị dưới dạng phụ kiện chính hãng tùy chọn.

MÀU SẮC



Cam



Trắng



Đen



Xám



Quét mã QR tìm hiểu thêm



DIỆN MẠO HOÀN TOÀN MỚI

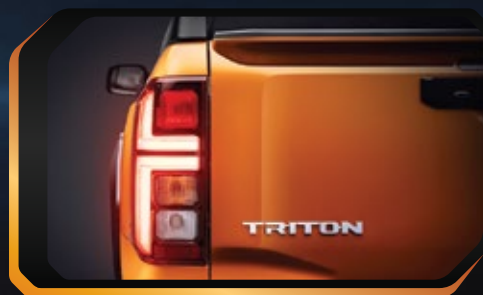
Dựa trên ý tưởng thiết kế Beast Mode



Lưới tản nhiệt dạng tổ ong



Đèn chiếu sáng phía trước LED T-SHAPE



Đèn sau LED T-SHAPE



Thiết kế cản trước* và cản sau mạnh mẽ



Mâm xe hợp kim 18-inch

*Phụ kiện chính hãng Mitsubishi Motors lắp ráp tại Thái Lan không thuộc phạm vi bảo hành của xe.

KHÔNG GIAN THÙNG XE RỘNG RÃI

Chiều cao mặt thùng 821 mm, chất hàng tiện lợi, tải trọng tối đa lên đến 740 kg*



*Hình ảnh, màu sắc, phụ kiện và thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo phiên bản.



NỘI THẤT PHONG CÁCH SUV



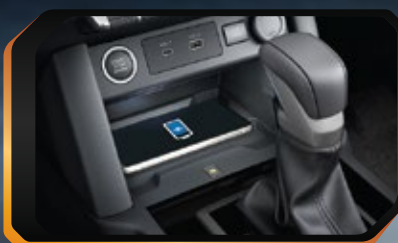
Màn hình giải trí
đa thông tin 9-inch



Works with
Apple CarPlay



Works with
Android Auto



Hộc để điện thoại tích hợp sạc không dây



Cụm đồng hồ kỹ thuật số 7-inch



Nhiều ngăn để đồ tiện dụng



Tay lái trợ lực điện



**KHÔNG GIAN HIỆN ĐẠI
VÀ THOẢI MÁI**

**VẬN HÀNH MẠNH MẼ
VÀ LINH HOẠT**



R/D
LOCK

KHOÁ VI SAI CẦU SAU

**SUPER
SELECT 4WD II**



2H



4H



4HLc

4LLc



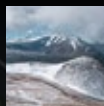
CHẾ ĐỘ LÁI



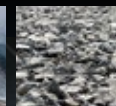
ĐƯỜNG TRƯỜNG



TIẾT KIỆM



TUYẾT



SỎI



BÙN



CÁT



ĐÁ

**HỆ THỐNG KIỂM SOÁT
VÀO CUA CHỦ ĐỘNG**

KHUNG GẦM NÂNG CẤP

Chiều rộng cơ sở
+50 mm

Chiều dài cơ sở
+130 mm

Độ bền vận xoắn
+60%

Độ bền uốn cong
+40%

HỆ THỐNG TREO MỚI

Hành trình phuộc
+20 mm

Đường kính
thanh cân bằng trước
+2 mm

**ĐỘNG CƠ DIESEL
MIVEC
BI-TURBO 2.4L MỞI**

204 PS

@3.500 rpm

470 Nm

@1.500 - 2.750 rpm

